

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC TRUNG TÂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

● **PHẠM VĂN THẮNG**

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán (TCKT) tại các Trung tâm y tế (TTYT) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả cho thấy: (1) Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin kế toán; (2) Hệ thống pháp lý và các văn bản hướng dẫn; (3) Nguồn nhân lực kế toán; (4) Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và (5) Hệ thống kiểm soát nội bộ có tác động cùng chiều đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Từ khóa: tỉnh Đồng Nai, công tác kế toán, kế toán, thông tin kế toán, trung tâm y tế.

1. Đặt vấn đề

Theo lộ trình của Bộ Y tế, kể từ năm 2018, tất cả các bệnh viện công lập phải tự chủ hoàn toàn và tự chủ một phần về tài chính. Việc trao quyền tự chủ được xem là một chính sách quan trọng và phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước nhằm giảm chi ngân sách, là một xu thế tất yếu trong quá trình phát triển của ngành y tế để phù hợp với cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh (KCB). Để tăng cường công tác quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, đạt hiệu quả cao, các đơn vị sử dụng nhiều công cụ khác nhau nhưng công cụ hữu hiệu nhất phải kể đến đó chính là kế toán.

Đồng nghĩa, nhu cầu thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị (NQT) trở nên cần thiết và quan trọng, đặc biệt là nhu cầu thông tin kế toán. Thật vậy, kế toán là công cụ quan trọng thực hiện quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế trong các đơn vị. Để phát huy vai trò quan trọng đó, vấn đề có tính chất quyết định là các đơn vị phải biết tổ chức một cách khoa học và hợp lý CTKT của đơn vị.

Đồng Nai là tỉnh nơi có nền kinh tế trọng điểm phía Nam, cùng với sự ra đời và thay đổi khá nhiều trong các chính sách kinh tế - xã hội, đặc biệt là những chính sách có liên quan trực tiếp đến ngành Y tế đã có sự tác động mạnh mẽ đến cơ chế quản

lý tài chính tại các đơn vị công lập, buộc phải chủ động hơn trong hoạt động quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính.

Theo quy định hiện hành, các TTYT có trách nhiệm quản lý nguồn vốn bao gồm kinh phí từ ngân sách Nhà nước giao cho chi thường xuyên và không thường xuyên, cùng với nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ theo chức năng và nhiệm vụ được giao. Định kỳ, các đơn vị này phải tổng hợp và báo cáo tình hình chi tiêu kinh phí cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cùng cấp. Song song đó, để đảm bảo công tác quản lý tài chính hiệu quả, các TTYT cũng cần tổ chức quản lý chặt chẽ, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính tất cả các khoản thu chi phát sinh. Điều này yêu cầu phải có công cụ quản lý tài chính phù hợp, trong đó việc TCKT khoa học và hợp lý giữ vai trò quyết định. Xuất phát từ thực tiễn nêu trên thì việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến TCKT như đã nêu trên là vô cùng cấp bách theo cơ chế tự chủ tài chính như hiện nay để vận dụng vào thực tiễn và đưa ra những giải pháp thiết thực để hoàn thiện TCKT cho các TTYT tại tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

2.1.1. Cơ sở lý thuyết về tổ chức công tác kế toán

Đơn vị kế toán là đơn vị (bao gồm: tổng công ty, công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp, chi nhánh, các ĐVSN,...) có thực hiện công việc kế toán, như: (i) lập và xử lý chứng từ kế toán; (ii) mở tài khoản; (iii) ghi sổ kế toán; (iv) lập báo cáo tài chính; (v) bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán và (vi) thực hiện các quy định khác về kế toán theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, tổ chức CTKT là tổ chức việc thực hiện các chuẩn mực và chế độ kế toán để phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế

toán, chế độ bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, cung cấp thông tin tài liệu kế toán và các nhiệm vụ khác của kế toán.

2.1.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên lược khảo các nghiên cứu trước, cũng như các lý thuyết kinh tế nền, như: lý thuyết về hành vi, lý thuyết lợi ích và chi phí, lý thuyết hệ thống thông tin; tác giả xác định các nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm:

- Hệ thống các văn bản pháp luật về kế toán

Hệ thống các văn bản pháp luật về kế toán: bao gồm các cấp độ quản lý được Nhà nước quy định để quản lý, chỉ đạo hướng dẫn, kiểm soát và điều chỉnh tất cả các nội dung trong hoạt động kiểm toán thuộc các lĩnh vực trong nền kinh tế. Theo thứ tự từ cao xuống thấp theo cấp độ được liệt kê, như sau: Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các Thông tư hướng dẫn thực hiện hoặc bổ sung điều chỉnh khi có vấn đề phát sinh.

Chính sách giao quyền tự chủ cho các bệnh viện công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về việc Quy định cơ chế tự tài chính trong ĐVSN công lập. Việc thực hiện nội dung trong Nghị định số 60/2021/NĐ-CP là một nhiệm vụ cấp thiết, đây thực sự là bước ngoặt lớn nhằm xóa bỏ tư duy và lề lối làm việc mang tính bao cấp sang hoạt động tự chủ, mở ra một giai đoạn mới trong công tác quản lý tài chính

Giả thuyết H1: Nhân tố Hệ thống pháp lý và các văn bản hướng dẫn có ảnh hưởng cùng chiều đến Tổ chức CTKT tại các Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin kế toán

Cùng với sự phát triển của đất nước và mục tiêu quản lý từng thời kỳ thì mức độ cần thông tin kế toán cùng thời kỳ cũng khác nhau, sự biểu hiện cũng khác nhau. Hệ thống Kế toán Việt Nam đã có những thành công rõ nét với đầy đủ cơ sở pháp lý từ Luật Kế toán, các Nghị định hướng dẫn Luật Kế toán, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán.

Theo Krupička (2020), việc tổ chức CTKT hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ quyết định của các nhà quản lý. Trần Văn Tùng và cộng sự (2021) đã làm rõ tầm quan trọng của việc cải thiện CTKT tại đơn vị với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và đáp ứng tốt hơn nhu cầu KCB của nhân dân.

Đối với các ĐVSN y tế công lập, người sử dụng thông tin là nhà quản lý cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan thuế KBNN. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin cho các đối tượng sử dụng thông tin trên, hệ thống kế toán của đơn vị thường được tổ chức phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin, các báo cáo tài chính thường đầy đủ các chỉ tiêu và nhiều biểu mẫu nhằm đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các đối tượng sử dụng thông tin này.

Giả thuyết H2: Nhân tố Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin kế toán có ảnh hưởng cùng chiều đến Tổ chức CTKT tại các Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ

Romney và Steinbart (2012) nhấn mạnh tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ (KSNB) và đảm bảo an toàn dữ liệu của hệ thống thông tin kế toán, do đó, các tác giả cho rằng nên xem các công cụ KSNB là yếu tố quan trọng trong TCKT.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ. Do đó, hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị có tầm quan trọng đặc biệt trong công tác tổ chức kế toán. Điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của các ĐVSN nói chung và các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Giả thuyết H3: Nhân tố Hệ thống kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng cùng chiều đến Tổ chức CTKT tại các Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nguồn nhân lực kế toán

Nguồn lực kế toán có vai trò trung tâm, cốt lõi trong việc TCKT và có tính quyết định đến tính hiệu quả hoạt động của hệ thống kế toán. Theo

Ekwe và Abuka (2014), kỹ năng kế toán sẽ tăng cường sự nhạy bén trong hoạt động kinh doanh và thúc đẩy sự phát triển của đơn vị. Nghiên cứu của Nguyễn Phương Hồng Thủy (2023) cũng chỉ ra tác động tích cực của trình độ nhân viên kế toán với việc TCKT tại các bệnh viện công lập trên địa bàn Quận 5, TP.HCM.

Trên thực tế, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang diễn ra trên toàn thế giới đòi hỏi đội ngũ chuyên viên kế toán, kiểm toán phải có trí tuệ cao trong nghề nghiệp, cụ thể: có năng lực, khả năng tổ chức điều hành, xử lý công việc nhanh nhẹn, trung thực, khách quan, nắm vững các chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế,... Ngoài ra, để nâng cao trình độ bản thân thì không chỉ có hệ thống đào tạo mà người làm kế toán phải thường xuyên trau dồi, cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ mới đáp ứng được nhu cầu công việc đòi hỏi ngày cao.

Giả thuyết H4: Nhân tố Nguồn nhân lực kế toán có ảnh hưởng cùng chiều đến Tổ chức CTKT tại các Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Ứng dụng công nghệ thông tin

Theo Lê Thế Anh (2018), việc ứng dụng CNTT vào TCKT được xem như là một thước đo hiệu quả hoạt động của một tổ chức bởi vì kế toán là một công cụ quản lý tài chính vô cùng hiệu quả, vì vậy việc ứng dụng CNTT sẽ là công cụ hỗ trợ đắc lực để trong việc xử lý số liệu kế toán và lập các báo cáo. Trần Khánh Lâm và Đoàn Thị Thanh Tú (2023) khẳng định, việc ứng dụng những CNTT trong việc thu thập, xử lý, kết xuất báo cáo và lưu trữ các dữ liệu kế toán một cách mạnh mẽ. Thật vậy, công việc của kế toán phần lớn do máy tính đảm nhiệm, còn người làm kế toán có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ trong việc quản lý nghiệp vụ, giám sát hoạt động của hệ thống và phân tích thông tin đầu ra.

Giả thuyết H5: Nhân tố Ứng dụng CNTT có ảnh hưởng cùng chiều đến Tổ chức CTKT tại các Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp hỗn hợp trong giai đoạn từ tháng 12/2024 đến tháng 2/2025. Phương pháp nghiên cứu định tính giúp khái quát hóa các nghiên cứu trước và hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, đồng thời đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; thông qua phỏng vấn chuyên gia để xây dựng mô hình, thang đo chính thức và bảng câu hỏi khảo sát để thực hiện nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu định lượng giúp kiểm định các nhân tố đã được tổng hợp, nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện. Theo đó, tác giả đã gửi 210 bảng câu hỏi khảo sát đến các cá nhân đang công tác tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và có liên quan đến TCKT tại đơn vị. Kết quả nhận được 210 phiếu khảo sát, trong đó có 10 phiếu bị loại do không hợp lệ, còn 200 phiếu hợp lệ. Theo Tabachnick & Fidell (2007), khi dùng hồi quy bội, kích thước mẫu n nên được tính bằng công thức sau: $n \geq 50 + 8p$ (p : số lượng biến độc lập), số mẫu được chọn trong bài nghiên cứu là 200 mẫu là phù hợp.

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

$$\text{TCKT} = \beta_0 + \beta_1\text{NLKT} + \beta_2\text{KSNB} + \beta_3\text{CNTT} + \beta_4\text{HTPL} + \beta_5\text{NCTT} + \varepsilon$$

Trong đó:

TCKT: Biến phụ thuộc là tổ chức CTKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Các biến độc lập:

- NLKT: Nguồn nhân lực kế toán
- KSNB: Hệ thống kiểm soát nội bộ
- CNTT: Ứng dụng Công nghệ thông tin
- HTPL: Hệ thống pháp lý và các văn bản hướng dẫn
- NCTT: Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin kế toán
- β_0 : Hằng số hồi quy
- ε : Sai số
- $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5$: Trọng số hồi quy

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và phụ thuộc. Tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như Bảng 1.

Giá trị hệ số $R^2 = 0,691 > 0,5$, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và 5 biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0.683, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 68,3%.

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy tuyến tính bội về tác động của các nhân tố đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các hệ số beta chuẩn hóa như sau:

$$\text{TCKT} = 0.429 \cdot \text{NCTT} + 0.372 \cdot \text{HTPL} + 0.291$$

$$\cdot \text{NLKT} + 0.253 \cdot \text{CNTT} + 0.250 \cdot \text{KSNB}$$

Kết quả cho thấy mức độ tác động của các nhân tố theo thứ tự từ cao đến thấp, như sau: (1)

Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Model Summary ^b	
Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
.683	.28760

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Bảng 2. Bảng kết quả các trọng số hồi quy

Coefficients ^a								
Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	tstat	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		Beta	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
1	(Constant)	.128	.192		.668	.505		
	NLKT	.206	.029	.291	7.210	.000	.978	1.023
	KSNB	.187	.021	.372	9.022	.000	.933	1.072
	NCTT	.220	.021	.429	10.383	.000	.933	1.072
	HTPL	.185	.030	.250	6.163	.000	.968	1.033
	CNTT	.186	.030	.253	6.265	.000	.976	1.025

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin kế toán; (2) Hệ thống pháp lý và các văn bản hướng dẫn, (3) Nguồn nhân lực kế toán, (4) Ứng dụng CNTT và (5) Hệ thống KSNB.

Nhìn chung, nghiên cứu đã mở rộng sự hiểu biết về các nhân tố tác động đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, mức độ giải thích của mô hình là 68,3% cho thấy vẫn còn nhiều nhân tố khác có khả năng tác động đến TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cần được khám phá trong tương lai.

4. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hoàn thiện TCKT tại các TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới. Cụ thể:

Thứ nhất, nhu cầu sử dụng thông tin kế toán bao gồm những thông tin kế toán tài chính và thông tin kế toán quản trị. Những điểm khác biệt về mục đích sử dụng thông tin kế toán của các nhóm đối tượng có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ nhu cầu thông tin tổng quát, chi tiết và chuyên biệt. Do

đó, để đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau theo tác giả cần hoàn thiện một số vấn đề sau: (1) Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT- BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017; (2) Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính; (3) Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT- BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Thứ hai, trên thực tế, các ĐVSN y tế công lập chịu sự quản lý của Nhà nước, nên tất cả hoạt động của đơn vị điều bị chi phối bởi các quy định của Nhà nước. Vì vậy, việc tuân thủ theo cơ chế chính sách của Nhà nước là điều bắt buộc. Để TCKT theo đúng quy định của Nhà nước, tác giả đề xuất hoàn thiện các vấn đề: (1) Các đơn vị phải thường xuyên cập nhật và nghiên cứu các chính sách mới để thực hiện đúng theo quy định; (2) Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn của các cơ quan cấp trên tổ chức; (3) Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phải có văn bản gửi các cơ quan cấp trên xin ý kiến trước khi thực hiện tránh trường hợp áp dụng không đúng với quy định và (4) Khi chuẩn bị áp dụng những chính sách mới Trưởng phòng

tài chính kế toán phải thông báo và triển khai cho toàn bộ nhân viên nắm bắt và thực hiện.

Thứ ba, đơn vị cần tạo điều kiện cho những người làm công tác tài chính - kế toán tham gia học tập các lớp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Bên cạnh đó, cũng cần phải nâng cao kiến thức về tin học và ngoại ngữ. Theo đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ kế toán chuyên trách, có nghiệp vụ tài chính kế toán và có tinh thần trách nhiệm cao cần được xem như một nhiệm vụ quan trọng trong việc hoàn thiện TCKT cho đơn vị.

Thứ tư, kế toán là một công cụ quản lý tài chính vô cùng hiệu quả, việc ứng dụng CNTT là công cụ hỗ trợ đắc lực để trong việc xử lý số liệu kế toán và lập các báo cáo theo yêu cầu của nhà quản lý. Tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức CTKT liên quan đến nhân tố này như sau: (1) lựa chọn các ứng dụng phù hợp; (2) lựa chọn các trang thiết bị, máy móc hiện đại, tương thích; (3) đảm bảo hệ thống máy tính vận hành ổn định; (4) xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ trên máy tính; (5) phân quyền cho các cá nhân trong hệ thống, thiết lập tài khoản duy nhất cho người dùng và có quy định và cơ chế bảo mật về mật khẩu để kiểm soát việc truy cập.

Thứ năm, việc thiết lập hệ thống KSNB tại đơn vị là cần thiết theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP

của Chính phủ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về kiểm toán nội bộ nhằm hoàn thiện tổ chức CTKT, đồng thời, hạn chế thoát tài sản của đơn vị. Do đó, đơn vị cần hoàn thiện môi trường kiểm soát, nhận diện và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra tại đơn vị, thực hiện tốt công tác phân công phân nhiệm, tăng cường công tác giám sát các hoạt động của TTYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, đơn vị tăng cường công tác giám sát, thiết lập các cơ chế giám sát hiệu quả, bao gồm việc kiểm tra định kỳ và đánh giá thường xuyên các hoạt động kế toán. Đối với bên ngoài, việc công khai thông tin tài chính một cách minh bạch không chỉ tạo dựng lòng tin từ các bên liên quan mà còn giúp nâng cao trách nhiệm giải trình của đơn vị.

5. Kết luận

Các đơn vị cũng cần tích cực đóng góp ý kiến khi các cơ quan cấp trên đề nghị góp ý các dự thảo chính sách mới để việc soạn thảo ban hành các chính sách mới của cơ quan cấp trên phù hợp với thực tiễn hơn và đưa ra các kiến nghị đối với những điểm chưa hoàn thiện của cơ chế, chính sách hiện hành để các cơ quan cấp trên căn cứ vào đó sẽ xem xét và điều chỉnh lại cho phù hợp. Trong bối cảnh hệ thống y tế đang phát triển và đối mặt với nhiều thách thức, việc tổ chức CTKT hiệu quả trở nên vô cùng quan trọng■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt

Bộ Tài chính (2017). Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Hà Nội.

Lê Thế Anh (2018). Ứng dụng mô hình kế toán quản trị chi phí trong DN xây lắp ở Việt Nam, Đại học Đại Nam. Truy cập tại <https://dainam.edu.vn/vi/tin-tuc/ung-dung-mo-hinh-ke-toan-quan-tri-chi-phi-trong-doanh-nghiep-xay-lap-o-viet-nam>.

Lê Thị Thúy Hằng (2017). Hoàn thiện tổ chức kế toán tại các bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình. Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Nguyễn Phương Hồng Thủy (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các bệnh viện công lập trên địa bàn Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, Trường Đại học Công nghệ, TP.Hồ Chí Minh.

Quốc hội Nước CHXH Việt Nam (2019). Nghị định số 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Về kiểm toán nội bộ.

Quốc hội Nước CHXH Việt Nam (2021). Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trần Khánh Lâm và Đoàn Thị Thanh Tú (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức CTKT tại các bệnh viện công lập chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, 7, 30-43.

Trần Văn Tùng, Ngô Ngọc Nguyên Thảo và Trần Phương Hải (2021). Hoàn thiện tổ chức CTKT tại bệnh viện chấn thương chỉnh hình TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, 03, 28-33.

Tiếng Anh

Ekwe M. C., & Abuka C. K. (2014). Quality Assurance in Curriculum Implementation of Accounting Courses in Nigeria Tertiary Institutions. *International Journal of Education & Practice*, 2(12), 264-274. <https://doi.org/10.18488/journal.61/2014.2.12/61.12.264.274>.

Eldenburg L. G. (2017). Management accounting and control in the hospital industry: A review. *Journal of Governmental & Nonprofit Accounting*, 6 (1), 52-91.

Gapenski Louis C. (1999). *Healthcare Finance: An Introduction to Accounting and Financial Management*. Albany, New York: Delmar Cengage Learning.

Krupička J. (2020). The management accounting practices in healthcare: The case of Czech public hospitals. *European Financial and Accounting Journal*, 15(1), 53-66.

Romney M.B., & Steinbart P.J. (2012). *Accounting Information System*. Pearson; 12th ed.

Tabachnick B. G., & Fidell L. S. (2007). *Using Multivariate Statistics* (5th ed.). New York: Allyn & Bacon.

Ngày nhận bài: 1/3/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/3/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/3/2025

FACTORS INFLUENCING THE ORGANIZATION OF ACCOUNTING WORK AT MEDICAL CENTERS IN DONG NAI PROVINCE

● PHAM VAN THANG

Ho Chi Minh City University of Economics and Finance

ABSTRACT:

This study aims to identify and assess the factors influencing the organization of accounting work at medical centers in Dong Nai province. The results reveal five key factors that positively impact accounting organization: (1) meeting the demand for accounting information, (2) the legal system and relevant guiding documents, (3) accounting human resources, (4) the application of information technology, and (5) the internal control system. Based on these findings, the study provides recommendations for improving the organization of accounting work at medical centers in Dong Nai province, enhancing efficiency and compliance.

Keywords: Dong Nai province, accounting organization, accounting, accounting information, medical center.